

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIỒNG TRÔM
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 13/02/2019

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM, TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thế Trang Đền.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn Thắng

Bà Trần Ngọc Diệu

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Đăng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Thương – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 02 năm 2019, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 514/2018/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 12 năm 2018 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2019/QĐST-HNGĐ ngày 17 tháng 01 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trịnh Thị Kim M, sinh năm: 1995; Địa chỉ: ấp 2, xã H, huyện G, tỉnh B.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:* Ông Đặng Ngọc Phúc, Luật sư – Văn phòng Luật sư Đặng Phúc, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh B.

- *Bị đơn:* Anh Phan Tấn T, sinh năm: 1991; Địa chỉ: ấp 5, xã H, huyện G, tỉnh B.

Tại phiên tòa sơ thẩm, tất cả đều có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 15/11/2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Trịnh Thị Kim M trình bày:

Chị và bị đơn là anh Phan Tấn T chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hưng Nhượng, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre vào ngày 28/10/2015. Sau khi cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng đầu năm 2018 thì xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân chính xảy ra mâu thuẫn là do anh T có người vợ khác bên ngoài và hiện tại người vợ bên ngoài đang mang thai với anh T nên chị đã bỏ nhà về nhà cha mẹ ruột sống. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 8 năm 2018 cho đến nay, chị thấy rằng vợ chồng không thể hàn gắn với nhau được nên chị yêu cầu xin ly hôn với anh T.

Trong quá trình chung sống chị và anh T có 01 con chung là cháu Phan Thị Nguyễn Ngọc, sinh ngày 10/02/2016, cháu Nguyễn Ngọc do anh T đang trực tiếp nuôi dưỡng. Sau khi ly hôn chị yêu cầu được trực tiếp nuôi con và yêu cầu anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 1.500.000 đồng cho đến khi con chung tròn 18 tuổi.

Về tài sản chung và nợ chung chị Kim M khai không có.

Tại biên bản hòa giải ngày 14/01/2019, chị M có trình bày: Từ khi sinh cháu Nguyễn Ngọc thì vợ chồng chị sống chung với gia đình anh T do anh T là con út. Anh T cũng phải đi làm không thường xuyên ở nhà còn chị thì đi làm nhưng có thể sáng đi chiều về có thời gian chăm sóc con. Tuy nhiên, do trước giờ con sống với bên nội nên chị không muốn làm xáo trộn cuộc sống của con nên chị đồng ý để anh T tiếp tục nuôi con, chị không cấp dưỡng nuôi con do anh T không yêu cầu.

Tại phiên tòa, chị M cho rằng vào ngày 27/12/2018 (âm lịch), chị đã rước cháu Nguyễn Ngọc về do chị trực tiếp chăm sóc cho đến nay, hiện cháu cũng đã quen sống với chị, chị đã gửi cháu đi học nên chị xin được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu anh T cấp dưỡng cho con.

Tại tờ tự khai ngày 14/01/2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, bị đơn là anh Phan Tấn T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân như vợ anh trình bày là đúng. Trong quá trình chung sống vợ chồng cũng có mâu thuẫn, do tính chất công việc nên anh thường xuyên đi công tác nên dẫn đến việc vợ anh hay ghen tuông. Nay theo yêu cầu xin ly hôn của vợ anh thì anh đồng ý.

Về con chung: Vợ chồng anh có 01 con chung như vợ anh trình bày, từ trước đến giờ con sống với anh. Mặc khác tình trạng sức khỏe của cháu không tốt do cháu bị bệnh từ nhỏ nên anh yêu cầu là người trực tiếp được nuôi dưỡng và có điều kiện chăm sóc con, không yêu cầu vợ anh cấp dưỡng. Trường hợp nếu vợ anh là người trực tiếp nuôi cháu Nguyễn Ngọc thì anh không cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Về hôn nhân: Hôn nhân của chị M và anh T là hôn nhân hợp pháp, chị M và anh T đã thuận tình ly hôn nên đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị M và anh T.

Về con chung: Cả chị M và anh T đều có yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung là cháu Phan Thị Nguyễn Ngọc. Xét thấy cháu Nguyễn Ngọc hiện nay chị M đang trực tiếp chăm sóc, cháu bị bệnh phải thường xuyên đi khám tại bệnh viện Nhi Đồng, Thành phố Hồ Chí Minh và hiện vẫn còn đang phải tái khám. Cháu còn rất nhỏ, chỉ tròn 36 tháng tuổi và đang bị bệnh nên rất cần sự chăm sóc của mẹ. Anh T hiện đang đi làm tại Thành phố Hồ Chí Minh, trước đây cháu vẫn sống chung ông bà nội là người trực tiếp chăm sóc cháu, anh T không trực tiếp chăm sóc và không thể trực tiếp lo cho bệnh của cháu Nguyễn Ngọc. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị M về việc trực tiếp nuôi con chung. Việc chị M không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con đây là sự tự nguyện của chị M, đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận.

Về tài sản chung và về nợ chung: Cả hai bên đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm phát biểu quan điểm: Thẩm phán đã xác định đúng tư cách người tham gia tố tụng, đúng quan hệ pháp luật, thu thập chứng cứ trong quá trình tố tụng, đảm bảo đúng theo thời gian giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng theo quy định của pháp luật, vô tư, khách quan. Thời hạn đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán thực hiện đúng theo quy định tại Điều 179 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án:

Về hôn nhân: Hôn nhân của chị M và anh T là hôn nhân hợp pháp, chị M và anh T thuận tình ly hôn, đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thuận tình ly hôn của chị M và anh T.

Về con chung: Hiện tại chị M đang trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc cháu Nguyễn Ngọc, cháu thường xuyên bị bệnh và còn phải đi tái khám điều trị tại bệnh viện Nhi đồng Thành phố Hồ Chí Minh. Mặt khác, để đảm bảo việc thi hành án nên đề nghị Hội đồng xét xử giao con chung của chị M và anh T cho chị M là người trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị M không có yêu cầu.

Về tài sản chung và về nợ chung: Cả hai bên đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận.

NHẬN XÉT CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Kim M và anh T chung sống có đăng ký kết hôn tại Ủy Ban nhân dân xã Hưng Nhượng, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre vào ngày 28/10/2015 nên quan hệ hôn nhân của anh chị được coi là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Theo chị Kim M thì sau khi cưới, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng đầu năm 2018 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, anh T có quan hệ với người phụ nữ khác ở bên ngoài, không quan tâm đến vợ con nên chị không thể tiếp tục sống chung với anh T được nữa, chị và anh T đã sống ly thân nhau. Theo anh T thì do công việc đặc thù của anh nên anh thường đi công tác vắng nhà vợ anh hay ghen tuông và bỏ đi về nhà cha mẹ ruột sinh sống. Do xác định không còn tình cảm vợ chồng với nhau nữa nên chị M có yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T, anh T cũng đồng ý thuận tình ly hôn vì không còn tình cảm với nhau nữa. Tòa án đã động viên chị Kim M và anh T trở về hàn gắn đoàn tụ nhưng chị Kim M và anh T vẫn cương quyết thuận tình ly hôn, không đồng ý đoàn tụ.

Xét thấy tình trạng hôn nhân đã trầm trọng, đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Kim M và để giải quyết cho chị Kim M và anh T thuận tình ly hôn.

[2] *Về con chung*: Chị Kim M và anh T có 01 con chung là cháu Phan Thị Nguyễn Ngọc, sinh ngày 10/02/2016, hiện cháu Nguyễn Ngọc do chị M đang trực tiếp nuôi dưỡng. Hội đồng xét xử thấy từ khi chị Kim M và anh T còn chung sống, chị M và anh T đều phải đi làm, người trực tiếp nuôi con chung của anh T, chị M là ông bà nội. Cháu Nguyễn Ngọc tính đến ngày xét xử cũng vừa tròn 36 tháng tuổi, sức khỏe của cháu không được tốt, cháu Nguyễn Ngọc phải thường xuyên nằm viện, hiện tại cháu vẫn đang phải tiếp tục điều trị bệnh tại bệnh viện Nhi Đồng Thành phố Hồ Chí Minh. Từ ngày 27/12/2018 (âm lịch), chị M đã rước cháu về sống chung và hiện đang chăm sóc cháu. Hiện tại anh T đang công tác tại Thành phố Hồ Chí Minh, thỉnh thoảng về thăm con nên nếu trường hợp giao cháu Nguyễn Ngọc cho anh T nuôi dưỡng thì ông bà nội là người trực tiếp nuôi dưỡng. Chị M cho rằng hiện tại cháu Nguyễn Ngọc vẫn phát triển bình thường, sức khỏe ổn định và chị vẫn đảm bảo tốt cuộc sống cho cháu Nguyễn Ngọc. Xét thấy, khi ông nên làm xáo trộn về tâm lý của trẻ, cần giao cháu Nguyễn Ngọc cho chị M tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp nên cần chấp nhận yêu cầu của chị Kim M, không chấp nhận yêu cầu của anh T về việc trực tiếp nuôi con chưa thành niên.

[3] *Về việc cấp dưỡng nuôi con*: Theo quy định tại Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình thì người không trực tiếp nuôi con chung chưa thành niên thì phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên, giao chị M trực tiếp nuôi cháu Nguyễn Ngọc nhưng do chị M không có yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con, xét thấy đây là sự tự nguyện của chị M, không trái với quy định của pháp luật và đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] *Về tài sản chung, nợ chung*: Chị Kim M và anh T khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét nếu sau này các bên có tranh chấp về tài sản chung và nợ chung sẽ khởi kiện bằng vụ án khác.

[5] *Về án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm*: Chị Kim M phải chịu số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Căn cứ khoản 2 Điều 227 Luật Tố tụng Dân sự; Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; tuyên xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Trịnh Thị Kim M với anh Phan Tấn T.

2. *Về con chung*: Ghi nhận chị Trịnh Thị Kim M và anh Phan Tấn T có 01 con chung là cháu Phan Thị Nguyễn Ngọc, sinh ngày 10/02/2016.

Giao cháu Phan Thị Nguyễn Ngọc cho chị Trịnh Thị Kim M tiếp tục trực tiếp, trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi cháu Nguyễn Ngọc đủ 18 tuổi.

Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con do chị M không có yêu cầu.

Anh Phan Tấn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được quyền cản trở anh T thực hiện quyền, nghĩa vụ này.

Vì lợi ích của con, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi việc cấp dưỡng nuôi con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84, Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. *Về tài sản chung và nợ chung:* Chị Kim M và anh T đều khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét nếu sau này các bên có tranh chấp về tài sản chung và nợ chung sẽ khởi kiện bằng vụ án khác.

4. *Về án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm:* Chị Trịnh Thị Kim M phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Kim M đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số 0021384 ngày 05 tháng 12 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm; chị Kim M đã nộp đủ án phí.

Các bên đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Giồng Trôm;
- Chi cục THADS huyện Giồng Trôm;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Võ Thế Trang Đền